



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Địa chỉ: Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Tp Hà Nội

MST: 0100108913

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo tài chính	4 – 32
Bảng cân đối kế toán	4 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 – 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 tiền thân là Công ty Vận tải Ô tô số 8 được thành lập theo Quyết định số 1526/2003/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển Công ty Vận tải Ô tô số 8 thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 và được cấp lại mã số doanh nghiệp theo Đăng ký kinh doanh số 0103002535 ngày 11 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số là 0100108913 ngày 15 tháng 5 năm 2012 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm:

- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;
- Hoạt động đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Hoạt động dịch vụ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Đào tạo lái xe, đào tạo công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng nghiệp vụ (chỉ hoạt động sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lại Quang Huy	Chủ tịch
Bà Đặng Thị Duyên	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lân	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lại Quang Huy **Tổng Giám đốc** **Bổ nhiệm ngày 22/05/2020**

Ông Nguyễn Văn Lân **Phó Tổng Giám đốc** **Bổ nhiệm ngày 16/07/2020**

Miễn nhiệm ngày 19/07/2021

Bà Bùi Thị Hải Linh **Kế toán trưởng** **Bổ nhiệm ngày 12/07/2019**

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lại Quang Huy

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm 2021	Số đầu năm 2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.864.627.436	132.511.734.187
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		586.311.280	125.571.258
1. Tiền	111	V.01	586.311.280	125.571.258
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.806.932.697	51,524.487.814
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	42.601.869.795	30.911.747.944
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19.242.524.854	18.743.463.561
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.962.538.048	1.869.276.309
IV. Hàng tồn kho	140		23.226.516.024	73.283.098.782
1. Hàng tồn kho	141	V.04	23.226.516.024	73.283.098.782
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.244.867.435	7.578.576.333
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		769.046.120	758.134.727
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	6.083.917.359
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.05	475.821.315	736.524.247
4. Tài sản ngắn hạn khác	155			

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm 2021	Số đầu năm 2021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52.332.712.292	71.401.563.927
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.848.436	30.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.07	35.000.000	30.000.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(9.151.564)	-
II. Tài sản cố định	220		39.605.267.843	41.506.600.755
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	39.467.923.512	41.255.621.968
- Nguyên giá	222		55.541.187.527	50.972.353.733
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16.073.264.015)	(9.716.731.765)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	137.344.331	250.978.787
- Nguyên giá	228		340.903.333	340.903.333
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(203.559.002)	(89.924.546)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	2.502.227.246	2.873.698.934
- Nguyên giá	231		6.288.380.387	6.288.380.387
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(3.786.153.141)	(3.414.681.453)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12		1.669.802.600
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			1.669.802.600
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	400.575.374	423.114.489
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		750.000.000	750.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(349.424.626)	(326.885.511)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.798.793.393	24.898.347.149
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	9.798.793.393	24.898.347.149
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		141.197.339.728	203.913.298.114

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm 2021	Số đầu năm 2021
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		61.576.454.592	129.700.891.387
I. Nợ ngắn hạn	310		61.562.454.592	129.686.891.387
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	49.860.280.164	112.924.669.494
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.818.230.139	8.698.036.185
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1.900.187.516	159.093.321
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	2.949.694.552	3.079.046.647
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		95.147.891	673.867.745
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	3.670.412.408	3.876.676.073
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		268.501.922	275.501.922
II. Nợ dài hạn	330		14.000.000	14.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		14.000.000	14.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		79.620.885.136	74.212.406.727
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	79.620.885.136	74.212.406.727
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		75.494.910.000	75.494.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		75.494.910.000	75.494.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		985.206.122	985.206.122
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		435.820.928	435.820.928
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.670.825.393	2.670.825.393
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.122.693	(5.374.355.716)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(5.374.355.716)	(5.374.355.716)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.408.478.409	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		141.197.339.728	203.913.298.114

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Hải Linh

Bùi Thị Hải Linh

Lại Quang Huy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	908.558.932.750	1.122.413.516.684
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	908.558.932.750	1.122.413.516.684
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	859.556.493.464	1.070.784.762.516
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.002.439.286	51.628.754.168
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	2.581.336	1.699.786
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	22.539.115	175.196.875
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25		36.394.582.179	40.316.778.170
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		10.490.426.246	11.544.925.169
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.097.473.082	(406.446.260)
11. Thu nhập khác	31		3.626.825.295	2.079.513.713
12. Chi phí khác	32		55.117.036	1.522.210.434
13. Lợi nhuận khác	40		3.571.708.259	557.303.279
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.669.181.341	150.857.019
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	260.702.932	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.08		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.408.478.409	150.857.019
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		716	20
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		716	20

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Hải Linh

Bùi Thị Hải Linh

Lại Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.669.181.341	150.857.019
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.841.638.394	4.392.101.480
- Các khoản dự phòng	03	31.690.679	(175.196.875)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	173.497.089
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	19.957.779	(175.196.875)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.562.468.193	4.366.061.838
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.942.824.592)	(44.778.430.623)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	50.056.582.758	52.884.943.204
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(70.067.103.565)	(84.256.495.253)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	15.088.642.363	15.840.985.519
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(29.539.115)	67.867.897.531
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.668.226.042	(953.425.139)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(1.210.067.356)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	739.121.268
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.581.336	1.699.786
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.207.486.020)	740.821.054

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	460.740.022	(212.604.085)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	125.571.258	338.175.343
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	586.311.280	125.571.258

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Bùi Thị Hải Linh

Kế toán trưởng



Bùi Thị Hải Linh

Tổng Giám đốc



Lại Quang Huy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm:

- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;
- Hoạt động đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Hoạt động dịch vụ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Đào tạo lái xe, đào tạo công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng nghiệp vụ (chỉ hoạt động sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách địa điểm kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Tên địa điểm kinh doanh</i>	<i>Hoạt động</i>	<i>Địa chỉ</i>
Địa điểm kinh doanh số 1	Chấm dứt hoạt động từ ngày 01/04/2020	Tầng 01 và 02, tòa K3, ki ốt dịch vụ thương mại, trung tâm thương mại The K-Park, khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, TP. Hà Nội
Địa điểm kinh doanh số 2	Đang hoạt động	Số nhà 68, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 có thể so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2020.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 168 người.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	3 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	04 – 15 năm
-----------	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm 2021	Số đầu năm 2021
- Tiền	586.311.280	125.571.258
+ Tiền mặt	35.770.702	80.318.000
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	550.540.578	45.253.258
- Các khoản tương đương tiền		
Cộng	586.311.280	125.571.258

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm 2021			Số đầu năm 2021				
	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		750.000.000	(349.424.626)		750.000.000	(326.885.511)		
+ Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải Ô tô ^(a)	9,4 %	750.000.000	(349.424.626)		9,4 %	750.000.000	(326.885.511)	
Cộng		750.000.000	(349.424.626)			750.000.000	(326.885.511)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

(a) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã góp 750.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật và Vận tải Ô tô tương ứng với 75.000 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu là 9,4%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty nhận đầu tư	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính trong năm 2021
<i>Khoản đầu tư khác</i>		
Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải ô tô	Số 11, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	- Bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, hoán cải phương tiện vận tải đường bộ. - Vận tải hàng hóa.

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm 2021	Số đầu năm 2021
<i>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	42.601.869.795	30.911.747.944
- Nguyễn Duy Khánh	4.969.000.000	
- Chi Nhánh Đà Nẵng - Công Ty Cổ Phần Ô Tô Trường Hải	3.909.000.000	
- Kiều Văn Vũ	2.319.000.000	
- Công ty cổ phần ô tô TMT	2.297.064.083	2.297.064.083
- Nguyễn Thị Lê Giang	1.929.000.000	
- Công ty Bảo Hiểm BSH Hà Nội	1.166.723.570	512.078.520
- Phùng Thanh Phương	1.029.600.000	
- Công Ty TNHH kỹ thuật xây dựng Hà Nội	1.000.000.000	
- Công ty cổ phần kinh doanh và dịch vụ số 8	985.600.000	985.600.000
- Mạc Thị Tố Uyên	824.000.000	
- Trần Thị Luyện	819.000.000	
- Lại Thị Nga	809.000.000	
- Vũ Đức Anh	799.000.000	
- Công ty TNHH Giày Trường Xuân	795.000.000	
- Phùng Thị Xuyên	783.000.000	
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	18.167.882.142	27.117.005.341
<i>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</i>	-	-
Cộng	42.601.869.795	30.911.747.944

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm 2021	Số đầu năm 2021
<i>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	19.242.524.854	18.743.463.561
- Công ty cổ phần ô tô TMT	17.045.689.245	17.045.689.245
- Công Ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Jumeirah	1.058.496.640	
- Công ty TNHH MTV Thaco PC(mã Nội bộ)	389.309.320	746.818.184
- Công ty CP xây dựng và phát triển vật liệu mới Việt Nam	309.299.925	
- Công ty cổ phần ứng dụng kỹ thuật xây dựng Huce	271.690.590	
- Công ty TNHH Quảng Cáo Trẻ Phương Đông	140.471.364	
- Công ty CP XD và thương mại CDC Việt Nam	15.681.000	
- Công Ty TNHH Trang Trí Nội Thất Anh Minh	11.886.770	
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác		950.956.132
<i>b. Trả trước cho người bán dài hạn</i>		
Cộng	19.242.524.854	18.743.463.561

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm 2021</u>	<u>Số đầu năm 2021</u>
a. Phải thu ngắn hạn khác	1.962.538.048	1.869.276.309
- Tiền chiết khấu thanh toán, đặt cọc đại lý của Công ty Cổ phần Ô tô TMT	1.693.924.372	1.693.924.372
- Tạm ứng	6.000.000	5.300.000
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.208.000	2.208.000
- Các khoản phải thu khác	260.405.676	167.843.937
b. Phải thu dài hạn khác	35.000.000	30.000.000
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	35.000.000	30.000.000
Cộng	<u>1.997.538.048</u>	<u>1.899.276.309</u>

06. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm 2021</u>		<u>Số đầu năm 2021</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	4.312.484.514	-	5.301.966.053	-
- Công cụ, dụng cụ	404.370.548	-	533.723.961	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	219.206.417	-	205.590.583	-
- Hàng hoá	18.290.454.545	-	67.241.818.185	-
Cộng	<u>23.226.516.024</u>	<u>-</u>	<u>73.283.098.782</u>	<u>-</u>

07. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm 2021</u>	<u>Số đầu năm 2021</u>
- Mua sắm		
- XD CB (Xưởng DVSC mở rộng)		1.669.802.600
- Sửa chữa		
Cộng		<u>1.669.802.600</u>

08. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm 2021</u>	<u>Số đầu năm 2021</u>
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.818.230.139	8.698.036.185
Công ty Cổ phần Hawee bất động sản	599.999.999	
Công ty Cổ phần Smartosc	329.265.700	
Công ty cổ phần đầu tư HNC Hà Nội	100.000.000	
Công ty cổ phần đầu tư thương mại Việt An	100.000.000	
Đàm Thanh Bình	100.000.000	
Hoàng Xuân Bách	100.000.000	
Khổng Viết Tiến	100.000.000	
Nguyễn Tuấn Tú	100.000.000	
Trần Sơn Tùng	100.000.000	
Trần Thanh Hà	100.000.000	
Nguyễn Văn Cần		6.689.000.000
Nguyễn Quang Trường		636.900.000
Công ty CP du lịch Mai Châu và khám phá VN		296.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.088.964.440	1.076.136.185
b. Người mua trả tiền trước dài hạn		
Cộng	<u>2.818.230.139</u>	<u>8.698.036.185</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm 2021	26.709.587.361	6.346.892.804	17.044.262.087	716.311.481	155.300.000	50.972.353.733
- Mua trong năm	2.214.896.000	630.100.000	1.723.837.794			4.568.833.794
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Tài sản mang đi góp vốn						
Số dư cuối năm 2021	28.924.483.361	6.976.992.804	18.768.099.881	716.311.481	155.300.000	55.541.187.527
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm 2021	6.410.268.745	1.108.803.777	1.970.287.378	201.219.173	26.152.692	9.716.731.765
- Khấu hao trong năm	2.510.994.083	1.078.762.806	2.579.712.461	145.802.892	41.260.008	6.356.532.250
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Tài sản mang đi góp vốn						
Số dư cuối năm 2021	8.921.262.828	2.187.566.583	4.549.999.839	347.022.065	67.412.700	16.073.264.015
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm 2021	20.299.318.616	5.238.089.027	15.073.974.709	515.092.308	129.147.308	41.255.621.968
2. Tại ngày cuối năm 2021	20.003.220.533	4.789.426.221	14.218.100.042	369.289.416	87.887.300	39.467.923.512

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.517.780.145 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Số đầu năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm 2021
Nguyên giá	340.903.333			340.903.333
- Phần mềm máy tính	340.903.333			340.903.333
Giá trị hao mòn lũy kế	89.924.546	113.634.456		203.559.002
- Phần mềm máy tính	89.924.546	113.634.456		203.559.002
Giá trị còn lại	250.978.787			137.344.331
- Phần mềm máy tính	250.978.787			137.344.331

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 0 đồng.

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm 2021
Nguyên giá	6.288.380.387			6.288.380.387
- Nhà	6.288.380.387			6.288.380.387
Giá trị hao mòn lũy kế	3.414.681.453	371.471.688		3.786.153.141
- Nhà	3.414.681.453	371.471.688		3.786.153.141
Giá trị còn lại	2.873.698.934			2.502.227.246
- Nhà	2.873.698.934			2.502.227.246

Nguyên giá BĐS đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 619.657.981 đồng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

12. Chi phí trả trước

	Số cuối năm 2021	Số đầu năm 2021
a. Ngắn hạn	769.046.120	758.134.727
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	179.538.994	203.846.896
- Chi phí bảo hiểm, kiểm định phương tiện vận tải	180.833.439	152.546.122
- Chi phí đồng phục	272.248.581	90.631.433
- Chi phí khám sức khỏe cho CBCNV		76.467.559
- Chi phí sử dụng phần mềm máy tính, website	91.497.133	59.880.205
- Chi phí cải tạo, sửa chữa	15.380.455	
- Các khoản khác	29.547.518	174.762.512
b. Dài hạn	9.798.793.393	24.898.347.149
- Chi phí thuê showroom BMW Lê Văn Lương	7.236.545.457	21.709.636.365
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	346.795.163	757.238.530
- Chi phí xây dựng, cải tạo, sửa chữa	2.163.192.475	2.375.666.940
- Các khoản khác	52.260.298	55.805.314
Cộng	10.567.839.513	25.656.481.876

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm 2021		Số đầu năm 2021		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
13. Phải trả người bán					
<i>a. Phải trả người bán ngắn hạn</i>					
- CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI THACO AUTO	49.860.280.164	49.860.280.164	112.924.669.494	112.924.669.494	
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Trường Hải	45.391.228.023	45.391.228.023	111.979.910.431	111.979.910.431	
- Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải	1.909.876.867	1.909.876.867			
- CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ KINGTECH	904.000.000	904.000.000			
- CNPeugeot Thanh Xuân - Cty CP Ô Tô Trường Hải	376.849.330	376.849.330			
- CNCông ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Hải Hà-Hà Nội	303.614.460	303.614.460			
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng và Vật Tư Thiết Bị	141.580.020	141.580.020			
- CN BMW Long Biên - Công Ty Cổ Phần Ô Tô Trường Hải	135.295.865	135.295.865			
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	132.731.440	132.731.440	944.759.063	944.759.063	
<i>b. Phải trả người bán dài hạn</i>	565.104.159	565.104.159			
Cộng	49.860.280.164	49.860.280.164	112.924.669.494	112.924.669.494	

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm 2021		Trong năm 2021		Số cuối năm 2021	
	Số tiền phải thu Nhà nước	Số tiền phải nộp Nhà nước	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số tiền phải thu Nhà nước	Số tiền phải nộp Nhà nước
a, Thuế và các khoản phải nộp						
- Thuế GTGT đầu ra		-	92.652.286.278	90.825.162.190	-	1.827.124.088
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	736.524.247	159.093.321	260.702.932	684.392.177	475.821.315	-
- Thuế thu nhập cá nhân			598.362.284	11.020.720.703		73.063.428
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất			11.020.720.703	5.000.000		
- Lệ phí môn bài			5.000.000	1.162.450		
- Các khoản phải nộp khác			1.162.450			
Cộng	736.524.247	159.093.321	104.538.234.647	102.536.437.520	475.821.315	1.900.187.516

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số còn được khấu trừ đầu năm 2021	Số được khấu trừ trong năm	Số đã khấu trừ trong năm	Số còn được khấu trừ cuối năm 2021
b, Thuế được khấu trừ				
- Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	6.083.917.359	79.473.693.313	85.557.610.672	0
- Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	-	174.451.061	174.451.061	0
Tổng	6.083.917.359	79.648.144.374	85.732.061.733	0

15. Chi phí phải trả

	Số cuối năm 2021	Số đầu năm 2021
a) Ngắn hạn	2.949.694.552	3.079.046.647
- Chi phí phải trả công nhân viên	2.509.103.177	2.837.33.648
- Chi phí quảng cáo	33.636.,364	
- Các khoản trích trước khác	406.955.011	241.312.999
b) Dài hạn	0	0
Cộng	2.949.694.552	3.079.046.647

16. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm 2021	Số đầu năm 2021
b) Ngắn hạn	95.147.891	673.867.745
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	95.147.891	560.363.635
- Doanh thu ghi nhận trước khác		113.504.110
b) Dài hạn	0	0
Cộng	95.147.891	673.867.745

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm 2021	Số đầu năm 2021
a. Ngắn hạn	3.670.412.,408	3.876.676.073
- Kinh phí công đoàn	268.071.543	229.513.919
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.402.340.865	3.647.162.154
+ Công ty TNHH Máy Công trình Toàn Phát	2.650.000.000	2.652.049.935
+ Công ty Cổ phần Ô tô TMT	423.331.199	423.331.199
+ Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải		221.621.531
+ Các đối tượng khác	329.009.666	350.159.489
b. Dài hạn	14.000.000	14.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	14.000.000	14.000.000
Cộng	3.684.412.408	3.890.676.073

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
 Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	5.494.910.000	985.206.122	435.820.928	-	2.670.825.393	(5.525.12.735)	74.061.549.708
Tăng vốn trong năm trước							-
Lãi/lỗ trong năm trước						150.857.019	150.857.019
Tăng khác							
Giảm vốn trong năm trước							
Phân phối lợi nhuận năm trước							
Giảm khác							
Số dư cuối năm trước / Số dư đầu năm nay	75.494.910.000	985.206.122	435.820.928	-	2.670.825.393	(5.374.355.716)	74.212.406.727
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi/lỗ trong năm nay						5.408.478.409	5.408.478.409
Tăng khác							
Phân phối lợi nhuận năm nay							
Giảm khác							
Số dư cuối năm nay	75.494.910.000	985.206.122	435.820.928	-	2.670.825.393	34.122.693	79.620.885.136

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm 2021	Tỷ lệ %	Số đầu năm 2021	Tỷ lệ %
- Vốn góp của các đối tượng khác	75.494.910.000	100	75.494.910.000	100
Cộng	75.494.910.000	100	75.494.910.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm 2021	Số đầu năm 2021
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	75.494.910.000	75.494.910.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	75.494.910.000	75.494.910.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm 2021	Số đầu năm 2021
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.549.491	7.549.491
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.549.491	7.549.491
+ Cổ phiếu phổ thông	7.549.491	7.549.491
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.549.491	7.549.491
+ Cổ phiếu phổ thông	7.549.491	7.549.491
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm 2021	Số đầu năm 2021
- Quỹ đầu tư phát triển	2.670.825.393	2.670.825.393
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	268.501.922	275.501.922
Cộng	2.939.327.315	2.946.327.315

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	890.024.167.978	1.044.944.464.445
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.140.119.530	71.000.796.927
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	7.394.645.242	6.468.255.312
Cộng	<u>908.558.932.750</u>	<u>1.122.413.516.684</u>

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	842.632.615.965	1.007.523.814.345
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.471.170.116	55.416.564.909
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	7.452.707.383	7.844.383.262
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	<u>859.556.493.464</u>	<u>1.070.784.762.516</u>

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.581.336	1.699.786
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	-
Cộng	<u>2.581.336</u>	<u>1.699.786</u>

04. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
- Lãi tiền vay		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính		
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	22.539.115	175.196.875
Cộng	<u>22.539.115</u>	<u>175.196.875</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	36.394.582.179	40.316.778.170
- Chi phí nhân viên	11.091.437.835	12.831.630.713
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	236.999.882	5.313.721
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.638.489.269	2.108.753.031
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.622.223.539	24.560.751.937
- Chi phí khác bằng tiền	805.431.654	810.328.768
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	10.490.426.246	11.544.925.169
- Chi phí nhân viên quản lý	7.109.019.551	7.615.708.191
- Chi phí đồ dùng văn phòng	301.705.661	962.004.251
- Chi phí khấu hao TSCĐ	906.978.597	818.526.078
- Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.103.474.917	2.020.142.005
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	65.247.520	124.544.644
Cộng	46.885.008.425	51.861.703.339

06. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
- Ford Thủ Đô chuyển tiền thuê mặt bằng	1.800.000.000	
- Xuất bán thanh lý CCDC	313.636	1.022.221.554
- Xuất bán phế liệu, dầu nhớt thải	122.775.273	113.045.443
- Tiền cho thuê xe Demo tại Lê Văn Lương	197.007.306	67.528.770
- Tiền hỗ trợ bán hàng của nhà Phân phối PC	1.203.195.456	404.771.650
- Phạt cọc khách hàng	191.000.001	157.500.000
- Các khoản khác	112.533.623	314.446.296
Cộng	3.626.825.295	2.079.513.713

07. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		439.377.336
- Thanh lý CCDC	24.548.723	672.482.197
- Tiền quảng cáo	30.485.168	177.318.182
- Phạt chậm nộp thuế		80.000.000
- Các khoản bị phạt khác		153.032.719
- Các khoản khác	83.145	
Cộng	55.117.036	1.522.210.434

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	260.702.932	
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	260.702.932	-

(*): Năm 2019 lỗ 5,4 tỷ, Công ty được chuyển lỗ trong 5 năm liên tiếp, năm 2020 chưa phải nộp thuế TNDN, số lỗ còn lại được chuyển hết sang năm 2021.

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	5.408.478.409	150.857.019
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.408.478.409	150.857.019
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.549.491	7.549.491
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	716	20

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	5.408.478.409	150.857.019
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.408.478.409	150.857.019
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.549.491	7.549.491
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	716	20

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Thuê hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các hợp đồng đi thuê

- a. Hợp đồng thuê lại mặt bằng số 1007/2019/HĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa Công ty và Công ty CP Trường Hải về việc Công ty thuê 2.215 m² mặt bằng tại số 68 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội. Thời hạn thuê từ ngày 30/7/2019 đến ngày 07/7/2029. Giá thuê trong 5 năm từ ngày 30/7/2019 đến ngày 07/7/2022 là 46.800.000.000 đồng, từ ngày 08/7/2022 đến hết ngày 07/7/2029 giá thuê sẽ được điều chỉnh tăng mỗi năm 01 lần, biên độ giao động không vượt quá 5% đến 10% so với giá thuê năm liền kề trước đó.

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực thương mại;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
 Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021	Kinh doanh Xe ô tô (Mazda, BMW)	Kinh doanh BĐS, Kho, Bãi	Dịch vụ Vận chuyên	Đào tạo Dạy nghề	Đơn vị tính: VND	
					Tổng năm 2021	
1. Doanh thu thuần	890.024.167.978	7.394.645.242	3.075.759.530	8.064.360.000	908.558.932.750	
2. Giá vốn hàng bán	842.632.615.965	7.452.707.383	2.154.361.410	7.316.808.706	859.556.493.464	
3. Lợi nhuận gộp	47.391.552.013	-58.062.141	921.398.120	747.551.294	49.002.439.286	
4. Doanh thu tài chính	2.581.336				2,581,336	
5. Chi phí tài chính	-	22.539.115			22,539,115	
6. Chi phí bán hàng	36.149.838.253	4.910.000	239.833.926		36,394,582,179	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.722.851.488	674.057.692	93.517.066		10,490,426,246	
8. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.521.443.608	-759.568.948	588.047.128	747.551.294	2,097,473,082	
9. Thu nhập khác	1.816.658.928	1.810.166.367			3,626,825,295	
10. Chi phí khác	55.117.025	11			55,117,036	
11. Lợi nhuận khác	1.761.541.903	1.810.166.356			3,571,708,259	
12. Lợi nhuận trước thuế	3.282.985.511	1.050.597.408	588.047.128	747.551.294	5,669,181,341	
13. Thuế TNDN (*)	170,062,974	39,907,079	22,337,046	28,395,833	260,702,932	
14. Lợi nhuận sau thuế	3,112,922,537	1,010,690,329	565,710,082	719,155,461	5,408,478,409	

(*): Năm 2019 lỗ 5,4 tỷ. Công ty được chuyển lỗ trong 5 năm liên tiếp, năm 2020 chưa phải nộp thuế TNDN, số lỗ còn lại được chuyển hết sang năm 2021. Phân bổ thuế TNDN năm 2021 phải nộp cho các mảng Hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2020	Kinh doanh Xe ô tô (Mazda, BMW)	Kinh doanh BDS, Kho, Bãi	Dịch vụ Vận chuyên	Đào tạo Dạy nghề	Đơn vị tính: VND	
					Tổng năm 2020	Tổng năm 2020
1. Doanh thu thuần	1.104.181.950.478	6.468.255.312	2.405.190.894	9.358.120.000	1.122.413.516.684	
2. Giá vốn hàng bán	1.052.844.200.796	7.844.383.262	1.673.305.088	8.422.873.370	1.070.784.762.516	
3. Lợi nhuận gộp	51.337.749.682	-1.376.127.950	731.885.806	935.246.630	51.628.754.168	
4. Doanh thu tài chính	1.699.786				1.699.786	
5. Chi phí tài chính		175.196.875			175.196.875	
6. Chi phí bán hàng	40.106.295.646		210.482.524		40.316.778.170	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.968.028.225	472.456.530	104.440.414		11.544.925.169	
8. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	265.125,597	-2.023.781.355	416.962.868	935.246.630	-406.446.260	
9. Thu nhập khác	2.074.855.499	4.658.214			2.079.513.713	
10. Chi phí khác	1.118.338.881	403.871.553			1.522.210.434	
11. Lợi nhuận khác	956.516.618	-399.213.339			557.303.279	
12. Lợi nhuận trước thuế	1.221.642.215	-2.422.994.694	416.962.868	935.246.630	150.857.019	
13. Thuế TNDN (*)						
14. Lợi nhuận sau thuế						

(*): Năm 2019 lỗ 5,4 tỷ, Công ty được chuyển lỗ trong 5 năm liên tiếp, năm 2020 chưa phải nộp thuế TNDN

Khu vực địa lý:

Phần lớn hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

05. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Bùi Thị Hải Linh

Kế toán trưởng



Bùi Thị Hải Linh

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc

